



Review Article

Current Situation of Soft Skills Training for Students at FPT Can Tho University

Ngo Thi Thuy An*

*FPT University, Can Tho Campus,
600 Nguyen Van Cu, An Binh, Ninh Kieu, Can Tho, Vietnam*

Received 19 December 2021

Revised 12 March 2022; Accepted 16 March 2022

Abstract: The study was conducted to assess the current situation and needs of soft skills training at FPT University, Can Tho Campus. Total of 545 students studying at the university has given answer a questionnaire and carry an in-depth interview. The results show that although the soft skills training program in the university satisfy students in some ways, the quality of those activities is an issue that need to be addressed. Inappropriate choice of soft skills training courses and teaching method or lack of high quality lecturers make bad practice of soft skills training. For the students, in general they are quite confused when learning and practicing soft skills and many of them still lack confidence in their capacity. Based on the analysis results, the study proposes several solutions to improve the quality of soft skills training of the university in the future. Accordingly, in order to solve the mentioned shortcomings, the university needs to build an appropriate training program, select appropriate soft skills courses for each specialized major in each study period, at the same time, stay focus on the lecturers' qualification, and most importantly, create a favorable environment for students to practice soft skills regularly and continuously, to turn theoretical knowledge into practical competence.

Keywords: Current situation, Training, Soft skills, Student, FPT University.

* Corresponding author.

E-mail address: anntt24@fe.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4620>

Thực trạng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học FPT Cần Thơ

Ngô Thị Thúy An*

*Trường Đại học FPT Cần Thơ,
600 Nguyễn Văn Cừ, An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ, Việt Nam*

Nhận ngày 19 tháng 12 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 3 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 3 năm 2022

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm tại trường Đại học FPT Cần Thơ. Kết quả khảo sát ngẫu nhiên 545 sinh viên đang học tập tại trường bằng bảng câu hỏi và hình thức phỏng vấn sâu cho thấy mặc dù nhà trường rất quan tâm đến việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên nhưng hình thức tổ chức không nhất quán, nội dung hay hình thức giảng dạy chưa phù hợp, thiếu nguồn lực giảng viên chất lượng cao và vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đa số sinh viên. Nhìn chung sinh viên còn khá lúng túng khi thực hành kỹ năng mềm và thiếu tự tin về năng lực kỹ năng mềm của bản thân. Dựa trên kết quả phân tích thực trạng và nhu cầu, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm của trường trong thời gian tới. Theo đó, để giải quyết những tồn tại đã nêu, nhà trường cần xây dựng chương trình, chọn lọc nội dung đào tạo kỹ năng mềm phù hợp cho từng đối tượng sinh viên trong từng giai đoạn, đồng thời chú trọng nâng cao năng lực và chất lượng giảng viên, và hơn hết tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên thực hành kỹ năng mềm thường xuyên, liên tục, để biến những kiến thức lý thuyết thành năng lực thực tiễn.

Từ khóa: Thực trạng, Đào tạo, Kỹ năng mềm, Sinh viên, Đại học FPT Cần Thơ.

1. Đặt vấn đề

Sự biến đổi của bối cảnh xã hội hiện đại do tác động của quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của đời sống. Các yếu tố kinh tế, xã hội thay đổi dẫn đến xu hướng chuyển dịch cơ cấu các ngành nghề, cùng với sự biến động và cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động. Ngày nay, để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, bên cạnh kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp thì việc trang bị các kỹ năng mềm ngày càng trở nên cần thiết, giúp cho người lao động nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình tìm việc. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp đánh giá năng lực và sự phù hợp của cá nhân trong một môi trường làm việc, và đang được

rất nhiều doanh nghiệp chú trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy trình độ kỹ năng mềm và khả năng đáp ứng những đòi hỏi trong công việc của đa số sinh viên tốt nghiệp đại học còn rất hạn chế. Những năm gần đây, nhiều cơ sở giáo dục đã nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên. Mặc dù vậy, công tác tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế và chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Trong hầu hết các trường đại học, kỹ năng mềm chủ yếu được lồng ghép vào các học phần chuyên ngành hoặc các hoạt động ngoại khóa. Một số kỹ năng mềm được đưa vào chuẩn đầu ra, nhưng các khóa học này đơn thuần là trang bị cơ sở lý thuyết, chưa tạo được môi trường để sinh viên rèn luyện và nâng cao năng lực vận dụng các kỹ năng vào môi trường thực tiễn. Chính vì thế khiến cho sinh viên dễ có tâm lý chán nản, thiếu động lực và niềm say mê, hứng thú trong học tập và rèn luyện kỹ năng mềm. Từ đó, dẫn đến nhiều sinh viên không quan tâm đúng mức và chưa có định hướng đúng đắn

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: anntt24@fe.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4620>

trong việc rèn luyện nâng cao năng lực kỹ năng mềm của bản thân. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến khả năng tìm kiếm cơ hội việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Đại học FPT Cần Thơ như một trường hợp điển hình và dựa trên những nhu cầu thực tế của sinh viên để đề xuất những giải pháp hữu ích, khả thi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên các cơ sở giáo dục đại học trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu về kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm là một thuật ngữ rất phổ biến hiện nay, được sử dụng để chỉ các năng lực xuyên suốt của cá nhân như năng khiếu xã hội, khả năng ngôn ngữ và giao tiếp, sự thân thiện và khả năng làm việc theo nhóm và các đặc điểm tính cách khác đặc trưng cho mối quan hệ giữa con người với nhau. Kỹ năng mềm theo truyền thống được coi là phần bổ sung của kỹ năng cứng, là những khả năng để thực hiện một loại nhiệm vụ hoặc hoạt động nhất định (Barbara Cimatti, 2016) [1]. Trong một nghiên cứu vào năm 2008, Sulaiman và cộng sự đã xác định một số kỹ năng mềm cần có trong công việc là kỹ năng giao tiếp (communication skills), khả năng sáng tạo (creativity), khả năng làm việc nhóm (teamwork capability), kỹ năng đàm phán (negotiating skills) và kỹ năng giải quyết vấn đề (problem solving skill) (Sulaiman và cộng sự, 2008) [2]. Tribble (2009) [3] cho rằng kỹ năng mềm bao gồm các kỹ năng liên quan đến cải thiện bản thân (self-improvement), quan hệ giữa các cá nhân (interpersonal relations), giao tiếp (communications), chuẩn bị nghề nghiệp (career preparation), lãnh đạo (leadership), làm việc nhóm (teamwork), kỷ luật bản thân (self-discipline), sự tự tin (self-confidence), đạo đức làm việc tốt (good work ethic) và thể hiện sự lịch sự (showing courtesy). Khi nghiên cứu về các kỹ năng mềm được giảng dạy tại các trường đại học của Italy, tác giả Mangano (2014) [4] tập trung vào 8 loại kỹ năng: giải quyết vấn đề (problem solving), phân tích tổng hợp thông tin (analysis and synthesis of information), tư duy phản biện

(autonomously criticism), giao tiếp hiệu quả (effective communication), học tập suốt đời (long-life learning), làm việc nhóm (team working), lập kế hoạch và tổ chức công việc (organizing and planning), kỹ năng sáng tạo (initiative).

Tuy nhiên, các kỹ năng mềm không chỉ giới hạn ở những kỹ năng được chỉ ra bởi các tác giả này; những nhà nghiên cứu khác đã đề cập đến các năng lực bổ sung được xếp vào nhóm kỹ năng mềm. Klaus (2007) [5] cho rằng các kỹ năng mềm hướng dẫn các cá nhân sử dụng các kỹ năng kỹ thuật và kiến thức thực tế một cách hiệu quả, đồng thời mô tả những đặc điểm này như tự nhận thức, đáng tin cậy, tự chủ, chính trực và giải quyết vấn đề. Brungardt (2009) [6] định nghĩa kỹ năng mềm là kỹ năng phi kỹ thuật dựa trên năng lực cá nhân và kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân. Tương tự, Hargis (2011) [7] đã mô tả thuật ngữ kỹ năng mềm là giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân khác giúp thúc đẩy sự cải thiện trong hiệu suất công việc. Các nhà nghiên cứu đã đồng ý rằng các kỹ năng mềm có bản chất phi kỹ thuật. Do đó, trong suốt nghiên cứu này, tác giả sử dụng một ý nghĩa tương tự với thuật ngữ kỹ năng mềm.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: được thu thập từ các dự án nghiên cứu về công tác quản lý và đào tạo kỹ năng mềm đã được thực hiện trong trường và các báo cáo thống kê, công trình khoa học trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên đại học.

Số liệu sơ cấp: được thu thập thông qua hình thức khảo sát bằng bảng câu hỏi đối với sinh viên đang học tập tại trường Đại học FPT Cần Thơ. Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên, kích thước mẫu (n) được tính bằng công thức Slovin (1960): $n = N/(1+N \cdot e^2)$, với N là số lượng tổng thể, e là sai số tiêu chuẩn. Dựa trên số liệu thống kê của phòng Tổ chức và quản lý đào tạo thì tổng số sinh viên của trường tính đến tháng 10/2021 là 3.859 sinh viên. Với

mong muốn độ chính xác của nghiên cứu là 95% (sai số 5%) nên kích thước mẫu trong nghiên cứu này tối thiểu là 363 sinh viên. Để đảm bảo độ tin cậy và phù hợp của số liệu, tác giả thực hiện khảo sát thí điểm 50 sinh viên, sau khi kiểm tra kỹ các biến quan sát không phù hợp đã bị loại bỏ nhằm hoàn thiện bảng câu hỏi. Sau đó, bảng câu hỏi chính thức được gửi đến sinh viên các chuyên ngành khác nhau trong toàn trường qua email để thực hiện khảo sát. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu trên cơ sở chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản thông qua khảo sát trực tuyến bằng công cụ google form và phỏng vấn trực tuyến qua google meet. Thời gian thu mẫu được thực hiện trong tháng 10/2021, sau 1 tuần kết quả thu về 545 phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích kết

quả cho bài nghiên cứu. Trong đó có 46 (8,44%) sinh viên năm thứ nhất, 237 (43,49%) sinh viên năm thứ hai, 215 (39,45%) sinh viên năm thứ ba, và 47 (8,62%) sinh viên năm thứ tư. Các đặc điểm cơ bản của mẫu quan sát được thể hiện trong Bảng 1.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp chuyên gia để phỏng vấn giảng viên phụ trách giảng dạy các khóa kỹ năng mềm và cán bộ quản lý các hoạt động kỹ năng mềm tại trường nhằm tham khảo ý kiến đánh giá về thực trạng và chất lượng công tác đào tạo và học tập kỹ năng mềm của sinh viên. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm định hướng và xây dựng các chương trình đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên trong thời gian tới.

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Tiêu chí phân loại		Số mẫu điều tra	
		SL	TT (%)
Tổng		545	100,00
Theo giới tính	Nam	255	46,79
	Nữ	285	52,29
	Khác	5	0,92
Theo khóa học	Năm thứ nhất	46	8,44
	Năm thứ hai	237	43,49
	Năm thứ ba	215	39,45
	Năm thứ tư	47	8,62
Theo khối ngành học	Khối ngành CNTT*	195	35,78
	Khối ngành Kinh tế**	279	51,19
	Khối ngành Ngôn ngữ***	71	13,03

* Khối ngành CNTT bao gồm các ngành:

Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin, Thiết kế đồ họa.

** Khối ngành Kinh tế bao gồm các ngành: Quản trị kinh doanh (Digital Marketing),

Kinh doanh quốc tế, Quản trị truyền thông đa phương tiện, Quản lý nhà hàng khách sạn, Quản trị du lịch.

*** Khối ngành ngôn ngữ bao gồm các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

3.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: được sử dụng để tóm tắt hoặc mô tả những đặc tính cơ bản

của một tập hợp dữ liệu thu thập được thông qua nghiên cứu thực nghiệm, được thể hiện dưới dạng số hoặc biểu đồ trực quan

(Sternstein, 1996) [8]. Các công cụ số thường được sử dụng nhất trong thống kê mô tả là trung bình cộng và độ lệch chuẩn. Ngoài ra các chỉ tiêu thông dụng khác như số tuyệt đối, số tương đối và dãy số biến động theo thời gian cũng được dùng để thể hiện mức độ của hiện tượng, sự biến động của hiện tượng hay phân tích mối quan hệ giữa các hiện tượng với nhau. Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả mức độ hiểu biết của sinh viên về kỹ năng mềm, nhận định về tầm quan trọng và sự cần thiết phải trang bị kỹ năng mềm của sinh viên, đánh giá về năng lực kỹ năng mềm của bản thân sinh viên, thực trạng đào tạo và học tập kỹ năng mềm của sinh viên, và nhu cầu của sinh viên về việc rèn luyện kỹ năng mềm.

Phương pháp thống kê so sánh: được sử dụng để đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng đã được lượng hóa, có nội dung và tính chất tương tự để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu (Smelser, 1976 và Lijphart, 1971) [9, 10]. Phương pháp so sánh cho phép chúng ta tổng hợp được những điểm chung cũng như tách ra được những nét riêng của các hiện tượng được so sánh, trên cơ sở đó đánh giá được các mặt phát triển hay kém phát triển, hiệu quả hay kém hiệu quả để tìm ra các giải pháp quản lý tối ưu trong mỗi trường hợp cụ thể.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng về kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học FPT Cần Thơ

4.1.1. Hiểu biết của sinh viên về kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm được định nghĩa là những kỹ năng quan trọng liên quan đến công việc, ít hoặc không có sự tương tác với máy móc (Whitmore and Fry, 1974) [11]. Theo Barbara Cimatti (2016) [1] thì kỹ năng mềm được sử dụng để chỉ các năng lực của mỗi cá nhân như năng khiếu xã hội, khả năng ngôn ngữ và giao tiếp, sự thân thiện và khả năng làm việc theo nhóm và các đặc điểm tính cách khác đặc trưng cho mối quan hệ giữa con người với nhau. Kỹ năng mềm là một thuật ngữ rất phổ biến hiện nay, nó được biết đến và sử dụng rộng rãi ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy 100% sinh viên đã từng nghe nói đến kỹ năng mềm. Tuy nhiên việc hiểu đúng và đủ về định nghĩa của kỹ năng mềm còn rất hạn chế, phần lớn dựa vào cảm tính và có sự khác biệt lớn giữa các nhóm sinh viên. Qua khảo sát, có 85,69% sinh viên nghĩ rằng kỹ năng mềm là kỹ năng liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ, thái độ và hành vi ứng xử trong xã hội. 63,33% định nghĩa kỹ năng mềm như khả năng ứng xử, nhạy bén với công việc và giải quyết khó khăn nhanh chóng. 36% cho rằng đây là những kỹ năng thuộc về tính cách con người, không mang tính chuyên môn.

Khi được hỏi về các nhóm kỹ năng thuộc kỹ năng mềm, số đông sinh viên quan tâm đến các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề (chiếm trên 80% ý kiến được hỏi). Ngược lại, kỹ năng nghiên cứu và phân tích thông tin lại ít được biết đến (57,80%) (Bảng 2).

Bảng 2. Nhận biết của sinh viên về các kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng mềm

STT	Kỹ năng	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ năng giao tiếp	516	94,68
2	Kỹ năng làm việc nhóm	500	91,74
3	Kỹ năng giải quyết vấn đề	441	80,92
4	Kỹ năng tư duy sáng tạo	396	72,66
5	Kỹ năng đàm phán/ thương lượng	395	72,48

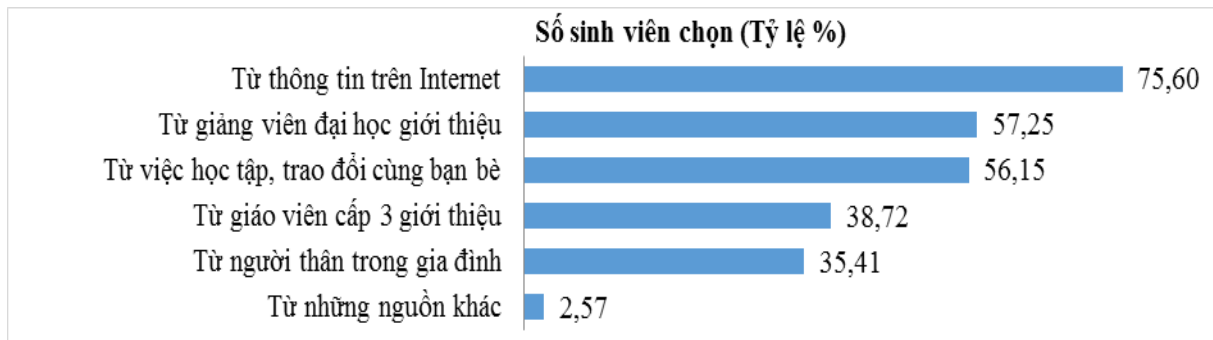
6	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	392	71,93
7	Kỹ năng học và tự học	356	65,32
8	Kỹ năng lãnh đạo	353	64,77
9	Kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn	337	61,83
10	Kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin	315	57,80
11	Kỹ năng khác	8	1,47

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Đối với sinh viên thì kỹ năng giao tiếp là kỹ năng phổ biến được biết đến nhiều nhất và cũng là quan trọng hàng đầu, bởi giao tiếp hiệu quả giúp họ tự tin hơn, tăng khả năng kết nối và thiết lập mối quan hệ với những người xung quanh.

Sinh viên biết đến kỹ năng mềm thông qua nhiều nguồn khác nhau như tự tìm hiểu qua

internet, được giới thiệu từ thầy cô cấp 3, từ giảng viên đại học, từ bạn bè, người thân trong gia đình, từ trải nghiệm của bản thân khi tham gia các hoạt động của câu lạc bộ sinh viên hoặc các chương trình ngoại khóa, hoạt động xã hội. Trong đó, Internet là nguồn thông tin giúp sinh viên hiểu về kỹ năng mềm nhiều nhất, chiếm 75,60% trong tổng số 545 câu trả lời (Hình 1).



Hình 1. Nguồn tiếp thu kỹ năng mềm của sinh viên.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

4.1.2. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng mềm

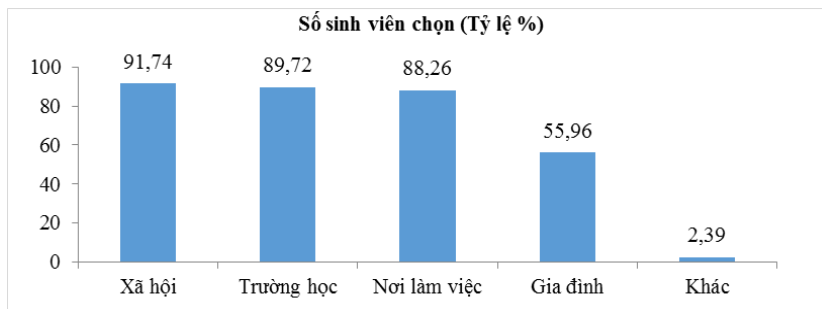
Vai trò của kỹ năng mềm trong xã hội hiện đại là điều không thể phủ nhận được. Ngày càng có nhiều việc làm dựa vào năng lực kỹ năng mềm chứ không phải những kiến thức hoặc kỹ năng đo lường được (Majid và cộng sự, 2012) [12]. Kết quả điều tra được thể hiện trong Bảng 3 chỉ ra rằng phần lớn sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong quá trình phát triển bản thân. Có 99,63% số sinh viên được phỏng vấn cho rằng kỹ năng mềm rất cần thiết và 99,08% sinh viên mong

muốn trau dồi kỹ năng mềm cho bản thân. Theo nhận định của đa phần sinh viên kỹ năng mềm là rất quan trọng hoặc quan trọng với họ (84,22%), và chỉ một tỷ lệ rất nhỏ, chiếm 1,28% nghĩ kỹ năng mềm không quan trọng. Kỹ năng mềm được đánh giá là vô cùng cần thiết trong mọi môi trường sống. Nó không chỉ là yếu tố quan trọng góp phần mang đến sự thành công trong công việc, hay giúp cho quá trình học tập hiệu quả hơn, mà nó còn giữ vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa các cá nhân, giúp cho mối quan hệ của các thành viên trong gia đình trở nên khăng khít, tốt đẹp hơn (Bảng 3, Hình 2).

Bảng 3. Đánh giá về tầm quan trọng của kỹ năng mềm

STT	Mức độ quan trọng	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Rất quan trọng	356	65,32
2	Quan trọng	103	18,90
3	Bình thường	79	14,50
4	Không quan trọng	7	1,28
5	Rất không quan trọng	0	0
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

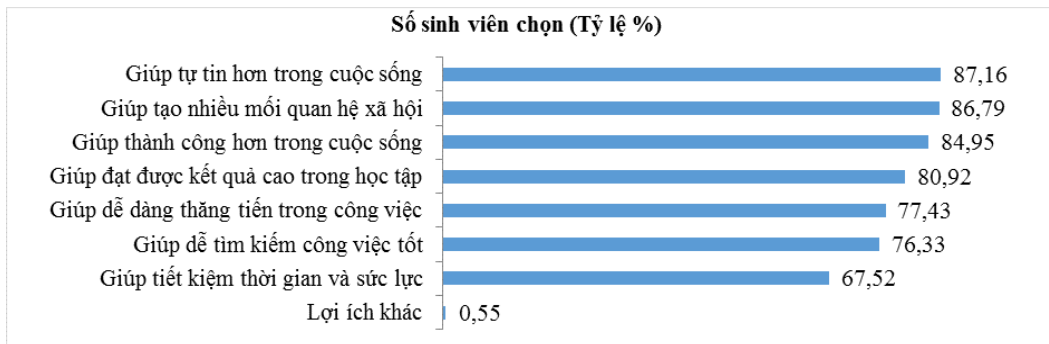


Hình 2. Môi trường cần trang bị kỹ năng mềm.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Lý do mà sinh viên cho rằng kỹ năng mềm quan trọng vì nó giúp hoàn thiện bản thân, khiến họ trở nên tự tin hơn (87,16%). Ngoài ra, những khả năng như giao tiếp hay lắng nghe cũng là yếu tố giúp xây dựng và mở rộng nhiều mối quan hệ xã hội (86,79%), đồng thời có thể dẫn đến sự thành công hơn trong cuộc sống (84,95%). Bên cạnh đó, việc trang bị kỹ năng mềm khi còn ngồi trên ghế nhà trường như kỹ

năng học và tự học, làm việc nhóm, quản lý thời gian cũng được sinh viên nhận định là công cụ hỗ trợ giúp mang lại đạt kết quả cao hơn trong học tập (80,92%). Trong công việc, kỹ năng mềm được xem là một phần không thể thiếu, sinh viên tin rằng nó sẽ giúp họ tìm kiếm được những vị trí công việc tốt (76,33%), và cũng góp phần giúp họ dễ dàng thăng tiến hơn trong công việc (77,43%) (Hình 3).



Hình 3. Đánh giá của sinh viên về lợi ích của kỹ năng mềm.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

4.1.3. Trình độ kỹ năng mềm của sinh viên

Khi đánh giá về trình độ kỹ năng mềm của bản thân, sinh viên chưa thực sự tự tin về năng lực của mình, thể hiện qua tỷ lệ 66,06% nhận định kỹ năng mềm của bản thân ở mức trung

bình, 16,70% tự nhận thấy trình độ kỹ năng mềm của mình còn yếu hoặc rất yếu. Trong khi đó, chỉ một số ít cho rằng bản thân có năng lực kỹ năng mềm tốt (15,78%) hoặc rất tốt (1,28%) (Bảng 4).

Bảng 4. Kết quả tự đánh giá về trình độ kỹ năng mềm của sinh viên

STT	Trình độ kỹ năng mềm	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Rất tốt	7	1,28
2	Tốt	86	15,78
3	Trung bình	361	66,24
4	Yếu	76	13,94
5	Rất yếu	15	2,75
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Để đánh giá mức độ thành thạo của sinh viên đối với từng loại kỹ năng mềm, bảng điều tra được thiết kế sử dụng thang đo Likert 5 điểm, với mức độ thành thạo thấp nhất tương ứng với 1 và cao nhất là 5. Kết quả điều tra được thống kê trong Bảng 3 cho thấy đa phần sinh viên chưa đánh giá cao về năng lực kỹ năng mềm của bản thân và có sự khác biệt giữa các khóa học. Theo đó, kỹ năng làm việc nhóm là kỹ năng mà sinh viên tự tin nhất, với mức điểm trung bình là 3,54. Trái lại, sinh viên đánh giá khá thấp về kỹ năng đàm phán/ thương lượng (3,08) và kỹ năng lãnh đạo của bản thân (3,05). Xét về sự khác biệt giữa sinh viên các khóa học, điểm trung bình tổng các kỹ năng mềm của sinh viên năm thứ tư (3,43) cao hơn so với điểm tự đánh giá của sinh viên năm thứ ba (3,33) và cao hơn điểm của sinh viên năm thứ hai (3,18) và thấp nhất là điểm của sinh viên năm thứ nhất (3,14). Điều này cho thấy sinh viên năm thứ tư có xu hướng tự đánh giá năng lực về kỹ năng mềm cao hơn những sinh viên năm thứ hai và thứ ba. Sự khác biệt về kết quả tự đánh giá của sinh viên các khóa học có thể giải thích bởi sự tích lũy kỹ năng mềm của sinh viên theo thời gian. Sinh viên năm thứ tư đã học gần 4 năm trong môi trường đại học, họ đã tự trang bị cho mình các vốn kỹ năng nhất định qua việc học tập các môn chuyên ngành,

các khóa học kỹ năng mềm, các hoạt động ngoại khóa trong các câu lạc bộ của trường hay thông qua các hoạt động xã hội và sự trải nghiệm trên thực tế.

Phân tích kết quả tự đánh giá mức độ thành thạo kỹ năng mềm của sinh viên theo chuyên ngành học (Bảng 5) cho thấy sinh viên khối ngành Ngôn ngữ là nhóm tự tin nhất về kỹ năng mềm của bản thân với mức điểm trung bình là 3,34. Trong đó, họ tự đánh giá cao nhất về kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin của bản thân (3,59). Tiếp theo là sinh viên khối ngành Kinh tế có mức độ thành thạo kỹ năng mềm tự đánh giá là 3,27, với điểm cao nhất dành cho kỹ năng làm việc nhóm (3,62). Đối với sinh viên khối ngành Công nghệ thông tin, sự tự tin về năng lực kỹ năng mềm thấp hơn so với các khối ngành khác, mức điểm tự đánh giá về sự thành thạo kỹ năng mềm là 3,21, và thu thập thông tin là kỹ năng mà họ tự tin nhất (3,53).

Nguồn tiếp thu, học tập và rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên rất đa dạng, từ các lớp kỹ năng mềm chính khóa, bao gồm các lớp bắt buộc và tự chọn (49,72%), các lớp kỹ năng mềm ngoại khóa do nhà trường tổ chức (51,93%). Ngoài ra, sinh viên còn học tập kỹ năng mềm tại các trung tâm đào tạo kỹ năng mềm bên ngoài trường và các lớp đào tạo trực tuyến (46,06%).

Bảng 5. Kết quả tự đánh giá mức độ thành thạo kỹ năng mềm của sinh viên

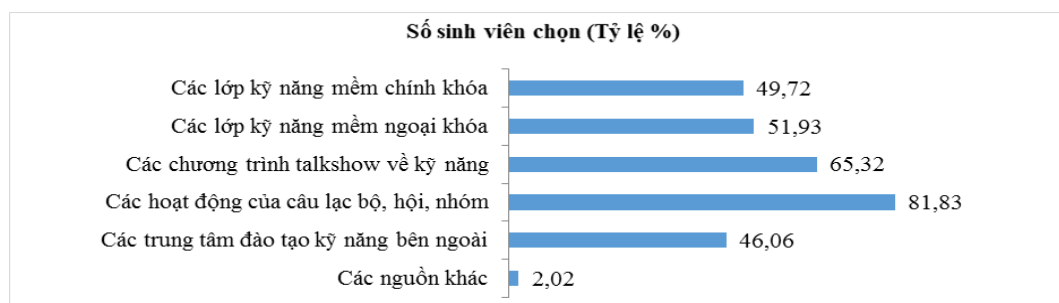
DVT: Điểm

STT	Kỹ năng	Trung bình	Sinh viên năm				Khối ngành		
			I	II	III	IV	CNTT	Kinh tế	Ngôn ngữ
1	Kỹ năng giao tiếp	3,18	3,02	3,08	3,20	3,55	3,07	3,22	3,34
2	Kỹ năng làm việc nhóm	3,54	3,39	3,60	3,65	3,79	3,41	3,62	3,58
3	Kỹ năng lãnh đạo	3,05	3,06	2,88	3,20	3,19	2,95	3,12	3,03
4	Kỹ năng đàm phán/thương lượng	3,08	2,89	2,97	3,20	3,30	2,97	3,15	3,14
5	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc	3,29	3,21	3,19	3,19	3,43	3,23	3,33	3,31
6	Kỹ năng quản lý thời gian	3,13	2,98	3,09	3,17	3,28	3,11	3,08	3,35
7	Kỹ năng giải quyết vấn đề	3,25	3,15	3,16	3,33	3,45	3,24	3,24	3,32
8	Kỹ năng tư duy sáng tạo	3,28	3,38	3,14	3,40	3,36	3,21	3,26	3,30
9	Kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin	3,51	3,26	3,45	3,61	3,60	3,53	3,47	3,59
10	Kỹ năng học và tự học	3,28	3,09	3,25	3,33	3,43	3,30	3,24	3,42
	Trung bình		3,14	3,18	3,33	3,43	3,20	3,27	3,34

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Các chương trình hội thảo, seminar, talkshow cũng là một kênh quan trọng trong việc tiếp thu kiến thức về kỹ năng mềm của sinh viên (65,32%). Tuy nhiên, đối với hầu hết sinh viên thì việc tự rèn luyện thông qua các hoạt động của câu lạc bộ sinh viên, hoặc các hoạt động xã hội, hay quá trình tham gia vào các công tác thiện nguyện mới chính là nguồn

tiếp thu kỹ năng mềm thường xuyên nhất (81,83%). Qua phân tích kết quả khảo sát có thể thấy các kỹ năng mềm sinh viên có được chủ yếu là do tự mình rèn luyện. Và vai trò của môi trường đại học là cung cấp phương pháp học và là nơi tạo điều kiện để sinh viên học tập và phát triển kỹ năng mềm một cách hiệu quả nhất.



Hình 4. Các nguồn tiếp thu kỹ năng mềm của sinh viên.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Số liệu về tỷ lệ sinh viên đạt các chứng chỉ kỹ năng mềm cho thấy một thực trạng về ý thức của sinh viên đối với việc học tập và rèn luyện kỹ năng mềm còn rất thấp. Mặc dù hiểu rõ tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm để có thể đạt kết quả cao trong học tập cũng như thành công hơn trong công việc và cuộc sống, nhưng có đến 79,82% tổng số sinh viên được khảo sát chưa có bất kỳ chứng chỉ kỹ năng mềm nào (Bảng 6). Trong số các sinh viên đã tham gia các khóa học kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ thì đa số là chứng chỉ kỹ năng học tập đại học và kỹ năng làm việc nhóm. Đây là

các khóa học chính khóa bắt buộc đối với sinh viên của trường.

Số lượng chứng chỉ các khóa học kỹ năng mềm sinh viên có được nhìn chung rất thấp, trung bình tổng đạt 0,83 chứng chỉ. Sinh viên năm thứ nhất có số chứng chỉ thấp hơn rất nhiều so với sinh viên năm thứ hai, thứ ba, thứ tư, 0,17 so với 0,76; 1,01 và 1,38 chứng chỉ. Xét theo từng khối ngành thì sinh viên Kinh tế có số chứng chỉ kỹ năng mềm trung bình là 1,03, nhiều hơn so với khối ngành Công nghệ thông tin (0,76) và Ngôn ngữ (0,71).

Bảng 6. Tỷ lệ sinh viên đạt các chứng chỉ kỹ năng mềm

STT	Số lượng chứng chỉ kỹ năng mềm đã hoàn thành	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Không có	435	79,82
2	Từ 1-3 chứng chỉ	81	14,86
3	Từ 4-7 chứng chỉ	24	4,40
4	Từ 8-10 chứng chỉ	3	0,55
5	Trên 10 chứng chỉ	2	0,37
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Khi được hỏi về mục đích của việc trang bị kỹ năng mềm cho bản thân, câu trả lời nhận được chủ yếu bao gồm các nhóm nguyên nhân: thỏa mãn nhu cầu học hỏi, phục vụ cho quá trình học tập đại học, và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Tuy nhiên, cơ cấu lựa chọn mục đích có sự khác biệt giữa sinh viên các khóa. Có 68,15% sinh viên năm thứ nhất xem kỹ năng mềm là công cụ để phục vụ cho quá trình học tập đại học, trong khi đó sinh viên năm thứ tư chọn lý do chính để trang bị kỹ năng mềm vì nó hỗ trợ cho quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp (79,26%). Rõ ràng là sinh viên năm thứ tư sắp ra trường phải đối mặt với áp lực xin việc nên họ có nhu cầu học kỹ năng mềm để nâng cao năng lực và tăng cơ hội việc làm cho bản thân.

4.2. Hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường

4.2.1. Thực trạng đào tạo kỹ năng mềm của trường

Nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm nâng cao khả năng học tập và năng lực cạnh tranh

trong môi trường lao động hiện đại, nhà trường đã xây dựng chương trình phát triển cá nhân cho sinh viên, trong đó kỹ năng mềm được xem là một trong những cột trụ chính. Quá trình phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên được xem là nhiệm vụ chiến lược bên cạnh đào tạo kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp. Thông qua các khóa học chính khóa bắt buộc đối với sinh viên toàn trường như: kỹ năng học tập đại học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm dành cho sinh viên năm thứ hai khi bắt đầu vào chuyên ngành, kỹ năng nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên năm cuối, thì các lớp học ngoại khóa cũng được nhà trường tổ chức thường xuyên hoàn toàn miễn phí theo nhu cầu của sinh viên. Hàng năm nhà trường tổ chức từ 15 - 20 khóa học kỹ năng mềm khác nhau nhằm giúp sinh viên khám phá bản thân và phát triển năng lực cá nhân như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng dẫn chương trình, hay các buổi chia sẻ dưới dạng talkshow, seminar của các diễn giả, chuyên gia, người nổi tiếng nhằm giúp cho sinh

viên tiếp cận với nhiều nguồn thông tin và các hình thức rèn luyện kỹ năng mềm đa dạng.

Kỹ năng mềm không đơn thuần là kiến thức được học tập thông qua lý thuyết mà cần được trau dồi và rèn giũa để có thể trở thành công cụ có giá trị với sinh viên. Chính vì lẽ đó, ngoài các lớp học chính khóa và ngoại khóa chuyên về kỹ năng thì việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên còn được lồng ghép trong các phương pháp giảng dạy các môn học chuyên ngành và qua các dự án học tập. Bên cạnh đó các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội do nhà trường hoặc các câu lạc bộ sinh viên tổ chức cũng vô cùng phong phú. Hiện tại, cả trường có gần 30 câu lạc bộ sinh viên với hàng trăm hoạt động với quy mô lớn nhỏ khác nhau được tổ chức định kỳ, tạo nhiều sân chơi về mọi mặt, trong đó các chương trình liên quan đến phát triển kỹ năng mềm cũng nhận được nhiều sự quan tâm của sinh viên.

Các lớp kỹ năng mềm tại Trường Đại học FPT Cần Thơ được giảng dạy qua những hình

thức tiếp cận vừa hiện đại, vừa sáng tạo như học qua các dự án thực tế, hay sử dụng phương pháp kiến tạo xã hội, lấy sinh viên làm trung tâm nhằm nâng cao năng lực tự học và tiếp thu kiến thức một cách chủ động. Song song với đó là sự kết hợp cùng các hoạt động giảng dạy linh hoạt như thảo luận, phản biện, thuyết trình, các trò chơi sắm vai, các hoạt động thiện nguyện cũng giúp kiến tạo môi trường tốt nhất cho sinh viên học tập và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho bản thân.

4.2.2. Đánh giá của sinh viên về hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường

Khi được hỏi về mức độ hài lòng đối với các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường, có đến 72,11% sinh viên được phỏng vấn trả lời hài lòng hoặc rất hài lòng, và chỉ một số rất ít không hài lòng và hoàn toàn không hài lòng, chiếm 1,47%. Điều này chứng tỏ công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường hiện đang đáp ứng khá tốt nhu cầu của sinh viên.

Bảng 7. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường

STT	Mức độ hài lòng	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Rất hài lòng	134	24,59
2	Hài lòng	259	47,52
3	Bình thường	144	26,42
4	Không hài lòng	6	1,10
5	Hoàn toàn không hài lòng	2	0,37
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Về tính hiệu quả của công tác đào tạo kỹ năng mềm của trường, trên 60% sinh viên đánh giá các chương trình mang lại hiệu quả tốt và rất tốt, thể hiện qua năng lực kỹ năng mềm của họ được nâng cao sau khi tham gia các hoạt động này. 26,97% người được phỏng vấn nhận thấy hiệu quả của các hoạt động bình thường và 9,72% cho rằng những chương trình này mang lại hiệu quả thấp, không đúng như kỳ vọng (Bảng 8).

4.3. Nhu cầu về đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên

Kỹ năng mềm gồm nhiều loại kỹ năng khác nhau, và mức độ quan trọng của chúng tùy thuộc vào nhu cầu thực tế của mỗi cá nhân trong những môi trường và từng giai đoạn khác nhau. Đối với

sinh viên trường Đại học FPT Cần Thơ nhu cầu về các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là 82,39%; 80,18%; 71,93%. Trong khi đó kỹ năng học và tự học (57,43%) và kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn (56,88%) lại không nhận được nhiều sự quan tâm của sinh viên (Bảng 9). Nguyên nhân của kết quả này là do sinh viên chủ yếu tập trung vào các kỹ năng có thể giúp ích cho quá trình học tập và những kỹ năng mà họ cho rằng mình còn yếu. Ngược lại, họ ít có nhu cầu với những kỹ năng mà bản thân đủ tự tin hoặc có thể tự mình rèn luyện được.

Ngoài cách tiếp cận kỹ năng mềm qua hoạt động ngoại khóa hay tích hợp vào các môn học

chính khóa thì việc đào tạo kỹ năng mềm bài bản được nhiều sinh viên quan tâm. 62,02% ý kiến chọn học tập kỹ năng mềm như các học phần

chính khóa tự chọn, ngược lại các khóa học mang tính bắt buộc lại không nhận được nhiều tình cảm từ sinh viên (24,59%).

Bảng 8. Hiệu quả của các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm

STT	Mức độ hiệu quả	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Rất tốt	156	28,62
2	Tốt	189	34,68
3	Bình thường	147	26,97
4	Hiệu quả thấp	53	9,72
5	Không có hiệu quả	0	0
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Bảng 9. Kết quả khảo sát nhu cầu về các khóa học kỹ năng mềm

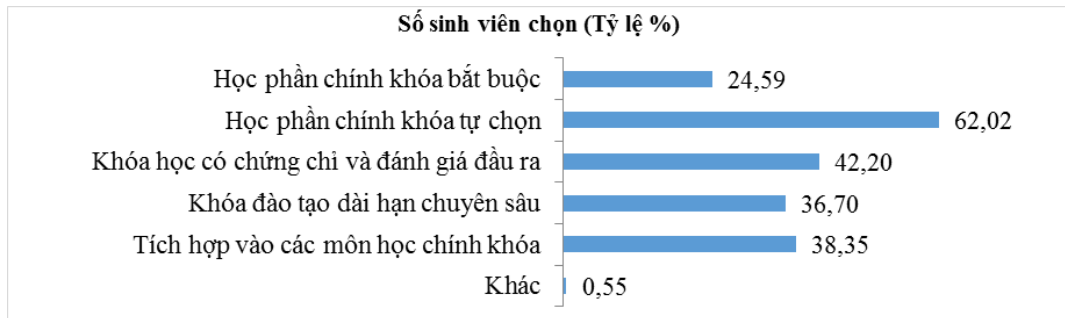
STT	Kỹ năng	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ năng giao tiếp	449	82,39
3	Kỹ năng thuyết trình	437	80,18
2	Kỹ năng làm việc nhóm	392	71,93
7	Kỹ năng giải quyết vấn đề	376	68,99
9	Kỹ năng tư duy sáng tạo	370	67,89
4	Kỹ năng quản lý thời gian	369	67,71
8	Kỹ năng lãnh đạo	354	64,95
5	Kỹ năng đàm phán/ thương lượng	351	64,40
6	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	328	60,18
12	Kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin	317	58,17
10	Kỹ năng học và tự học	313	57,43
11	Kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn	310	56,88
13	Kỹ năng khác	4	0,73

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

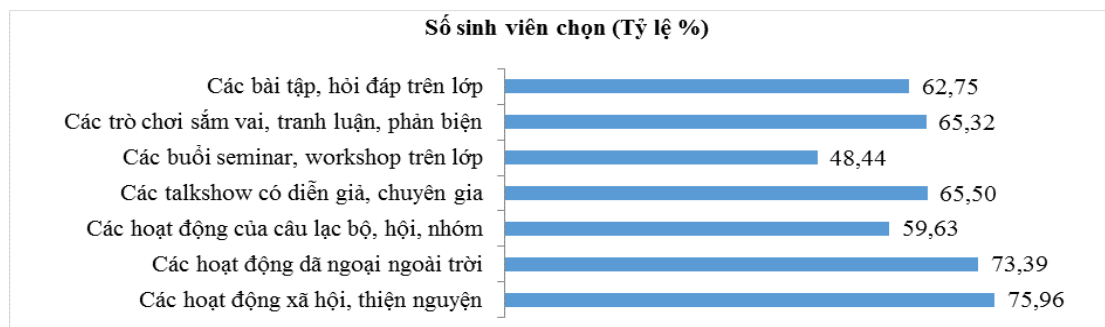
Các lớp học ngoại khóa có đánh giá đầu ra và cấp chứng chỉ hay khóa đào tạo dài hạn chuyên sâu cũng nhận được nhiều sự đồng tình từ sinh viên (Hình 5).

Phương pháp giảng dạy là một yếu tố đóng vai trò quyết định trong việc truyền tải kiến thức, khơi gợi nhu cầu và sự hứng thú trong học tập. Yêu cầu của sinh viên về phương pháp đào tạo kỹ năng mềm được thể hiện trong Hình 5.

Kết quả cho thấy sinh viên mong muốn được rèn luyện kỹ năng mềm bằng nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau. Trong đó hoạt động xã hội, thiện nguyện, hay các chương trình dã ngoại ngoài trời được yêu thích nhất (chiếm tỷ lệ chọn lần lượt là 75,96% và 73,39%), các buổi seminar, workshop trên lớp lại không nhận được sự ủng hộ của nhiều sinh viên (48,44%).



Hình 5. Nhu cầu về hình thức đào tạo kỹ năng mềm.
 Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.



Hình 6. Nhu cầu về phương pháp đào tạo kỹ năng mềm.
 Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Với câu hỏi “Hãy cho biết nhu cầu của bạn về quy mô lớp học kỹ năng mềm”, có đến 37,25% số sinh viên được khảo sát chọn 21 - 30 người, 34,68% chọn con số 10 - 20 người trong một lớp học, các quy mô lớp học khác được lựa chọn rất ít. Lý do là sinh viên cảm thấy số

lượng học viên quá nhiều trong lớp học, đặc biệt là trên 40 người sẽ làm giảm sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, từ đó ảnh hưởng không tốt đến chất lượng giảng dạy và hạn chế khả năng tiếp thu của sinh viên.

Bảng 10. Nhu cầu về quy mô lớp học kỹ năng mềm

STT	Quy mô lớp học	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	<10 sinh viên	35	6,42
2	10 - 20 sinh viên	189	34,68
3	21 - 30 sinh viên	203	37,25
4	31 - 40 sinh viên	63	11,56
5	41 - 50 sinh viên	23	4,22
6	51 - 60 sinh viên	8	1,47
7	> 60 sinh viên	24	4,40
Tổng		545	100

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2021.

Kỹ năng mềm là những kiến thức và năng lực được tích lũy qua thời gian và cần có sự rèn giũa thường xuyên. Xét về thời gian đào tạo các

khóa kỹ năng mềm, gần một nửa sinh viên được phỏng vấn mong muốn các lớp học được tổ chức với thời lượng từ 1 - 3 buổi (< 10 giờ),

29,7% cho rằng 5 - 10 buổi (15 - 30 giờ) là thời lượng tối ưu cho một khóa đào tạo kỹ năng, 15, 01% tin rằng 1 tháng (12 - 15 buổi/50 giờ) sẽ đảm bảo lượng kiến thức và thời gian cho việc thực hành những lý thuyết được trang bị. Trên 10% còn lại nghĩ việc đưa các lớp kỹ năng mềm vào đào tạo chính khóa trong 1 học kỳ (45 giờ) là sự lựa chọn hợp lý cho việc phát triển toàn diện một kỹ năng cho sinh viên.

Ngoài những kết quả đã khảo sát về nhu cầu của sinh viên trong đào tạo kỹ năng mềm như đã nêu, sinh viên còn có những mong muốn khác về hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của trường như: mở thêm nhiều lớp kỹ năng mềm chuyên sâu, thời gian dài hơn; giảm bớt những chương trình thiếu hữu ích; tổ chức nhiều hoạt động dã ngoại; có nhiều hoạt động và tương tác hơn trong các lớp học kỹ năng,...

4.4. Giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

Qua kết quả khảo sát cho thấy, cả nhà trường và sinh viên đều hiểu được tầm quan trọng của việc giảng dạy và học tập kỹ năng mềm và những lợi ích mà nó mang lại. Mặc dù trong thời gian qua trường đã nỗ lực kiến tạo môi trường tốt nhất giúp sinh viên trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng mềm, nhưng công tác tổ chức vẫn chưa nhất quán và còn một số điểm hạn chế như sau: Thứ nhất, số lượng các lớp kỹ năng còn ít, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của sinh viên; Thứ hai, cách thức tổ chức chưa tập trung, còn rời rạc, không có lộ trình rõ ràng cho sự phát triển của từng cá nhân; Thứ ba, nội dung đào tạo chưa đáp ứng thực tế và nhu cầu của doanh nghiệp; Thứ tư, thiếu các hoạt động thực hành, tham quan giao lưu; Thứ năm, chưa có đội ngũ giảng viên chuyên sâu về mảng kỹ năng mềm.

Từ những thực tế trên cho thấy việc xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý, tổ chức và đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên là vô cùng cần thiết. Trong thời gian tới, nhà trường cần khuyến khích đẩy mạnh hoạt động đào tạo kỹ năng mềm bằng các giải pháp sau:

Tiếp tục nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng mềm thông qua các

chương trình định hướng cho tân sinh viên và các buổi chia sẻ của diễn giả là những người nổi tiếng, những lãnh đạo đến từ doanh nghiệp, nhằm giúp sinh viên nắm rõ hơn về yêu cầu của ngành nghề. Từ đó, tự định hướng và thiết lập kế hoạch cho việc rèn luyện phát triển kỹ năng mềm của bản thân qua từng giai đoạn.

Xây dựng và đào tạo đội ngũ giảng viên chuyên giảng dạy kỹ năng mềm một cách bài bản, đồng thời thống nhất cách thức giảng dạy để chuẩn hóa chất lượng đào tạo. Do đặc thù của kỹ năng mềm đòi hỏi cách tiếp cận không chỉ qua lý thuyết mà bằng các hoạt động, bài tập thực hành, và cần được thực hiện liên tục, nên giảng viên cần trang bị phương pháp luận và kiến thức về cách thiết kế lớp học cùng các hoạt động nhằm tạo sự hứng thú cho sinh viên trong các buổi học và khuyến khích sinh viên tự tin thực hành các kỹ năng vào học tập và cuộc sống.

Tích hợp đào tạo kỹ năng mềm vào nội dung giảng dạy của các môn học chính khóa, đây là cơ hội để sinh viên áp dụng lý thuyết về kỹ năng mềm vào thực tiễn môi trường học tập. Sinh viên có khả năng tự rèn giữa những kỹ năng như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm thông qua các dự án môn học, các seminar tại lớp. Hoặc rèn luyện các kỹ năng giải quyết vấn đề, phản biện, đàm phán, sáng tạo bằng các hoạt động thảo luận, giải quyết tình huống, đóng vai,...

Xây dựng lộ trình đào tạo cho sinh viên các khối ngành qua từng giai đoạn khác nhau. Thực tế cho thấy đối với từng giai đoạn trong cuộc sống, chúng ta cần có những kỹ năng khác nhau. Vì thế, nhà trường nên xây dựng lộ trình để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên phù hợp cho từng chuyên ngành, từng giai đoạn nhằm đảm bảo nhu cầu thực tế. Với những sinh viên năm thứ nhất, thứ hai cần trang bị những kỹ năng về nhận thức bản thân, học tập hiệu quả, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm,... đến năm thứ ba, thứ tư thì nên trang bị kỹ năng liên quan đến giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, tổ chức công việc,...

Chọn lọc nội dung các khóa đào tạo, các chương trình talkshow để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu tổ chức nhiều chương trình có nội dung

nhằm chán, lặp lại, xa rời thực tế, để đảm bảo vừa đáp ứng trong quá trình học tập và gắn liền với yêu cầu công việc sau khi ra trường.

Tăng cường các hoạt động ngoại khóa để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành những kỹ năng mềm đã được học trên lớp. Các hoạt động teambuilding của các câu lạc bộ, các hoạt động thiện nguyện, dự án xã hội hoặc các chương trình vì cộng đồng hay các cuộc thi cũng là môi trường lý tưởng giúp sinh viên vận dụng kiến thức được học vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn, biến lý thuyết thành năng lực của bản thân.

5. Kết luận

Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học FPT Cần Thơ là cơ sở khoa học quan trọng trong việc xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để xây dựng chương trình và thiết lập lộ trình đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm trong nhà trường. Hiện nay các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm dù nhận được sự quan tâm từ các cấp lãnh đạo của trường nhưng thực tế triển khai vẫn còn một số bất cập như hoạt động tổ chức nhiều nhưng chất lượng chưa đảm bảo, thiếu sự quy hoạch và tính nhất quán, nguồn lực giảng viên chuyên môn còn thiếu. Điều này làm ảnh hưởng đến quá trình thực hành kỹ năng mềm của sinh viên, khiến cho các em chưa có định hướng đúng đắn cho việc phát triển và hoàn thiện năng lực kỹ năng mềm của bản thân. Để giải quyết những tồn tại đã nêu, nhà trường cần xây dựng chương trình, chọn lọc nội dung đào tạo kỹ năng mềm phù hợp cho từng đối tượng sinh viên trong từng giai đoạn, đồng thời chú trọng nâng cao năng lực và chất lượng giảng viên, và hơn hết tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên thực hành kỹ năng mềm thường xuyên, liên tục, để biến những kiến thức lý thuyết thành năng lực thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- [1] B. Cimatti, Definition, Development, Assessment of Soft Skills and Their Role for the Quality of Organizations and Enterprises, *International Journal for Quality Research*, Vol. 10, No. 1, 2016, pp. 97-130.
- [2] A. Sulaiman, S. Mohezar, E-Ticketing as a New Way of Buying Tickets: Malaysian Perceptions, *Journal of Social Science*, Vol. 17, No. 2, 2008, pp. 149-157.
- [3] L. S. S. Tribble, The Importance of Soft Skills in the Workplace as Perceived by Community College Instructors and Industries (Ph.D. Dissertation), Mississippi State University, Available from ProQuest Dissertations and Theses (UMI No.3386351), 2009.
- [4] S. Mangano, Soft Skills in Italian University: First Results from CT3 Survey, Speech at "Soft Skills and Their Role in Rmployability - New Perspectives in Teaching, Assessment and Certification, Workshop in Bertinoro, FC, Italy, 2014.
- [5] P. Klaus, The Hard Truth about Soft Skills: Workplace Lessons Smart People Wish they'd Learned Sooner, New York: Klaus and Associates, 2007.
- [6] K. B. Hargis, Career and Technical Education Program Alignment with Local Workforce Needs (Ed.D. Dissertation), Eastern Kentucky University. Available from ProQuest Dissertations and Theses Full Text database (UMI No. 3488204), 2011.
- [7] Martin Sternstein. *Statistics*, Barrons, ISBN 0-8120-9311-9, 1996.
- [8] N. J. Smelser, *Comparative Methods in the Social Sciences*, 1976.
- [9] A. Lijphart, *Comparative Politics and the Comparative Method*, 1971.
- [10] P. G. Whitmore, J. P. Fry, *Soft Skills: Definition, Behavioral Model Analysis, Training Procedures*, Professional, 1974, pp. 3-74.
- [11] B. Cimatti, Definition, Development, Assessment of Soft Skills and Their Role for the Quality of Organizations and Enterprises, *International Journal for Quality Research*, Vol. 10, No. 1, 2016, pp. 97-130.
- [12] S. Majid, Z. Liming, S. Tong, S. Raihana, Importance of Soft Skills for Education and Career Success, *Interntional journal for Cross-Disciplinary Subject in Education (IJDSE)*, Special Issue Volume 2, Issue 2, 2012, pp. 1036-1042.